

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 9 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN DÀI
TỈNH THANH HÓA**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Trong tháng trên các sông đã xảy ra 3-4 đợt lũ:

Đợt 1: Từ ngày 04-05/8 trên sông Mã tại trạm TV Mường Lát xảy ra một đợt lũ nhỏ với biên độ lũ lên là 1.98m, đỉnh lũ dưới mức BĐ1.

Đợt 2: Từ ngày 06-08/8 trên sông Mã, sông Bưởi xảy ra một đợt lũ nhỏ với biên độ lũ lên từ 1.30- 2.05m, đỉnh lũ dưới mức BĐ1.

Đợt 3: Từ ngày 19-23/8, trên sông Mã, sông Bưởi, sông Yên, sông Cầu Chày xảy ra một đợt lũ. Biên độ lũ lên trên các sông phổ biến từ 1.6– 3.9m, riêng trên sông Bưởi từ 6.6– 7.5m. Mức nước đỉnh lũ trên các sông còn dưới mức BĐ1, riêng trên sông Bưởi, sông Cầu Chày ở mức BĐ1 và trên mức BĐ1.

Đợt 4: Từ ngày 23-25/8, trên các sông đã xảy ra một đợt lũ với biên độ lũ lên phổ biến từ 1.0– 4.2m. Mức nước đỉnh lũ trên các sông phổ biến ở mức BĐ1-BĐ2, riêng trên sông Mã tại TV Cẩm Thủy và trên sông Bưởi ở trên mức BĐ2, trên sông Lèn tại trạm TV Cụ Thôn trên BĐ3, hạ lưu sông Mã tại trạm TV Giàng và trên sông Chu còn ở dưới mức BĐ1. Mức nước đỉnh lũ trên các sông cụ thể như sau:

Trên sông Mã tại trạm TV Hồi Xuân là 61.20m (13h/24/8) dưới BĐ2 là 0.80m; tại TV Cẩm Thủy là 19.26m (20h/24/8) trên BĐ2 là 0.26m; tại trạm TV Lý Nhân là 10.09m (01h/25/8) trên BĐ1 là 0.59m; tại trạm TV Giàng là 3.80m (4h/25/8) dưới BĐ1 là 0.20m.

Trên sông Bưởi tại trạm TV Thạch Quảng là 15.91m (19h/24/8) dưới BĐ3 là 0.09m, tại trạm TV Kim Tân là 11.68m (9h/25/8) dưới BĐ3 là 0.32m.

Trên sông Chu tại trạm TV Cửa Đạt là 27.98m (16h/24/8) dưới BĐ1 là 0.02m; tại trạm TV Bái Thượng là 13.56m (16h/24/8) dưới BĐ1 là 1.44m; tại trạm TV Xuân Khánh là 5.33m (21h/24/8) dưới BĐ1 là 3.67m. Trên sông Âm tại trạm TV Lang Chánh là 49.62m (16h/24/8) dưới BĐ2 là 0.38m.

Trên sông Lèn tại trạm TV Lèn là 4.47m (5h/25/8) trên BĐ1 là 0.47m; tại trạm TV Cụ Thôn là 3.61m (6h/25/8) trên BĐ3 là 0.11m.

Trên sông Yên tại trạm TV Chuối là 2.39m (5h/25/8) trên BĐ1 là 0.39m.

Trên sông Cầu Chày trạm TV Xuân Vinh là 8.71m (19h/25/8) dưới BĐ2 là 0.29m

Mức nước trung bình tháng phổ biến ở mức cao hơn so với TBNN cùng kỳ, riêng trên sông Mã tại TV Lý Nhân, trên sông Chu tại TV Xuân Khánh ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ.

Lưu lượng dòng chảy trung bình tháng trên sông Mã tại trạm TV Mường Lát là $658\text{m}^3/\text{s}$, cao hơn so với TBNN cùng kỳ là 2.0%, thấp hơn cùng kỳ năm 2025 là 5.0%; tại trạm TV Cẩm Thủy là $1300\text{m}^3/\text{s}$, cao hơn so với TBNN cùng kỳ là 37.0%, cao hơn cùng kỳ năm 2025 là 5.0%. Trên sông Chu tại trạm TV Cửa Đạt là $102\text{m}^3/\text{s}$, thấp hơn so với TBNN cùng kỳ là 50.0%, thấp hơn cùng kỳ năm 2025 là 82.0%.

Tình hình hồ chứa:

Mức nước tại các hồ đập lớn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa tính đến thời điểm 7h/01/9 tại một số hồ như sau: Hồ Trung Sơn ở mức 151.58m, thấp hơn so với MNDBT là 8.42m, đạt 72.5% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Cửa Đạt ở mức 103.46m, thấp hơn MNDBT là 6.54m, đạt 82.4% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Hòa Na (tỉnh Nghệ An) ở mức 235.06m, thấp hơn so với MNDBT là 4.94m, đạt 82.5% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Sông Mực ở mức 31.17m, thấp hơn MNDBT là 1.83m, đạt 79.2% so với dung tích ứng với MNDBT; hồ Yên Mỹ ở mức 18.39m, thấp hơn MNDBT là 1.97m, đạt 97.8% so với dung tích được tích.

2. Dự báo, cảnh báo

Thượng lưu sông Mã, sông Chu và các sông nhánh (sông Âm, Sông Bưởi): Trong tháng có khả năng xảy ra từ 2-3 đợt lũ.

Hạ lưu sông Mã, sông Chu (vùng sông không ảnh hưởng triều) dao động theo vận hành từ các hồ chứa thủy lợi, thủy điện.

Mức nước lớn nhất tháng có khả năng xuất hiện vào thời kỳ cuối tháng, mức nước nhỏ nhất tháng có khả năng xuất hiện vào thời kỳ giữa tháng, mức nước trung bình tháng tại các trạm hạ lưu sông Mã, sông Chu ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ.

Hạ lưu sông Mã (vùng sông ảnh hưởng triều): dao động theo thủy triều.

Lưu vực sông Yên: dao động theo thủy triều và có khả năng xảy ra một đợt lũ vào thời kỳ cuối tháng.

Mức nước lớn nhất có khả năng xuất hiện vào thời kỳ cuối tháng; mức nước nhỏ nhất có khả năng xuất hiện vào thời kỳ giữa tháng; nước trung bình tháng ở mức cao hơn so với TBNN cùng kỳ.

Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Đề phòng mưa lớn cục bộ có thể gây lũ quét trên các sông suối nhỏ, sạt lở đất trên sườn dốc và ngập úng khu vực trũng thấp, các khu đô thị.

Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Lũ quét, sạt lở, sụt lún đất có thể gây tác động rất xấu đến môi trường, uy hiếp tính mạng, tài sản của người dân; phá hủy các công trình dân sinh, kinh tế, gây thiệt hại cho các hoạt động sản xuất, hoạt động kinh tế-xã hội, gây tắc

nghẽn giao thông cục bộ, làm ảnh hưởng tới quá trình di chuyển của các phương tiện.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h55 ngày 01/10/2026

Tin phát lúc: 15h55 ngày 01/9/2026

Dự báo viên: Nguyễn Thị Hoa

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Minh

Phụ lục 1: Bảng đặc trưng mực nước thực đo và dự báo các trạm tháng 9/2026

Đơn vị: cm

Sông	Trạm	Thực đo tháng trước			Dự báo											
					10 ngày đầu			10 ngày giữa			11 ngày cuối			Đặc trưng		
		Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Mã	Mường Lát	16735	16938	16566	16745	16950	16650	16720	16970	16620	16755	17000	16640	16740	17000	16620
Mã	Hồi Xuân	5673	6120	5507	5690	5850	5630	5670	5880	5600	5710	5950	5620	5690	5950	5600
Mã	Cắm Thủy	1450	1926	1295	1415	1600	1340	1400	1700	1310	1420	1800	1330	1412	1800	1310
Mã	Lý Nhân	511	1009	326	480	700	340	450	750	310	470	800	320	467	800	310
Mã	Giàng	121	380	-44	100	175	50	55	180	-90	75	220	-70	77	220	-90
Mã	Quảng Châu	29	179	-119	30	140	-70	20	160	-105	40	170	-85	30	170	-105
Lèn	Lèn	178	447	4	155	230	40	110	210	-25	140	240	-10	135	240	-25
Lèn	Cụ Thôn	144	361	-12	110	180	20	80	170	-50	100	190	-35	97	190	-50
Âm	Lang Chánh	4737	4969	4698	4730	4770	4700	4720	4800	4700	4750	4900	4720	4733	4900	4700
Chu	Cửa Đạt	2741	2798	2697	2730	2780	2720	2720	2780	2700	2745	2850	2730	2732	2850	2700
Chu	Bãi Thượng	1122	1356	1020	1100	1180	1060	1080	1150	1040	1120	1250	1050	1100	1250	1040
Chu	Xuân Khánh	209	550	95	195	350	150	170	250	125	200	380	140	188	380	125
Bưởi	Thạch Quảng	915	1591	650	770	927	720	750	950	710	830	1400	740	783	1400	710
Bưởi	Kim Tân	610	1168	344	500	750	380	460	700	350	550	1000	380	503	1000	350
Yên	Chuối	76	239	-32	40	105	-30	35	100	-35	50	200	00	42	200	-35
Yên	Ngọc Trà	31	133	-97	30	115	-75	20	105	-90	30	140	-80	27	140	-90

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm



